

Bản án số: 51/2018/HS-ST
Ngày: 22-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tống Thị Kim Điền;
2. Bà Nguyễn Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/HSST ngày 27 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /HSST-QĐ ngày 21/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/QĐST-HPT ngày 10/5/2018 đối với các bị cáo họ và tên:

1. Nguyễn Văn V; Tên gọi khác: /; Sinh năm 1982 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T.X, xã K.S, huyện T.C, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: tại phiên tòa bị cáo khai thuê nhà sống tại số A35 ấp 3B, xã B.H, huyện B.C, Tp. HCM nhưng không đăng ký tạm trú; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn D và bà Trương Thị L; Có vợ và 02 con (lớn 12 tuổi, nhỏ 9 tuổi); Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 115/2016/HSST ngày 27/4/2016, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/9/2016, chưa thi hành án phí hình sự và dân sự sơ thẩm. Về nhân thân: Bản án số 133/2009/HSST ngày 26/11/2009, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/3/2010, đã nộp án phí hình sự ngày 29/12/2009 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 05/11/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Y; Tên gọi khác: /; Sinh năm 1969 tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 12, xã T.P, huyện K.S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: bị cáo không có nơi cư trú ổn định; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị

C; Có vợ và 01 con sinh năm 1990; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 76/HSST ngày 02/7/2004, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/02/2005, chưa thi hành phần án phí (Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 20/GXN-CCTHADS ngày 23/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng); Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 05/11/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Nguyễn Lê Thanh A sinh năm 1996; trú tại: 23/15/37, đường M, phường N, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Lê Thị Q sinh năm 1955; trú tại: 23/15/37, đường M, phường N, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

- Bà Đào Minh P sinh năm 1968; trú tại: 1183/79 P.T.H, Phường K, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 20 ngày 02/11/2017, chị Nguyễn Lê Thanh A điều khiển xe máy hiệu Honda Wave RS, biển số 54L4 – 0361 đến gửi xe máy tại bãi xe ngoài trời của siêu thị Vivo City Quận 7. Sau khi lấy thẻ xe, chị A cất thẻ xe vào trong cốp xe rồi đi làm. Lúc này, Nguyễn Văn V cũng đang định gửi xe máy nhìn thấy nên nảy sinh ý định lấy trộm xe của chị A. V đi đến công trình nơi mình làm việc (kế bên siêu thị) rủ Nguyễn Văn Y; Y đồng ý và điều khiển xe máy hiệu Yamaha Luvias màu đen vàng, biển số 59L1 – 843.64 (xe máy của V) chở V đến bãi xe của siêu thị, để tránh bị phát hiện V đã tháo biển số xe đem cất giấu. Đến bãi xe, Y dừng xe ở bên ngoài chờ còn V đi bộ vào bãi xe đến chỗ để xe của chị A, một tay đỡ yên xe lên, tay còn lại thọc tay vào trong cốp xe lấy thẻ xe. V dùng thẻ xe này lấy được xe của chị A ra khỏi bãi xe. Sau đó, V điều khiển xe Luvias và dùng chân đẩy chiếc xe của chị A (do Y ngồi trên xe) đến gần cầu Ông Lớn thì dừng xe. V đấu nối dây điện khởi động xe chị A rồi chạy đến trước nhà số 88 đường T.H, Phường X, Quận G bán xe Wave vừa trộm được của chị A cho một thanh niên không rõ lai lịch được 5.000.000 đồng, V chia cho Y 2.500.000 đồng, 2.500.000 đồng còn lại V cất giữ để tiêu xài. Ngày 03/11/2017, chị A đã đến Công an phường Tân Phong, Quận 7 trình báo. Từ dữ liệu camera của siêu thị Vivo City và qua điều tra truy xét, Công an Quận 7 đã mời V và Y về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn Y đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Theo Kết luận định giá tài sản số 359/KL-HĐĐGTTHS ngày 19/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 7, kết luận: “01 xe gắn máy hiệu Honda Wave RS, biển số 54L4 – 0361 đã qua sử dụng..., tính đến thời điểm bị xâm phạm, có giá trị là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).”

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe máy hiệu Yamaha Luvias màu đen vàng, biển số 59L1 – 843.64 thu giữ của Nguyễn Văn V, là phương tiện mà V và Y sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài

sản. Qua xác minh, xe máy trên do chị Đào Minh P (là vợ đã ly hôn) đứng tên đăng ký, chị P đã ủy quyền cho Nguyễn Văn V quản lý, sử dụng kể cả việc mua bán, tặng, cho đổi với chiếc xe trên.

- 5.000.000 đồng là số tiền bán chiếc xe máy của chị Nguyễn Lê Thanh A do V và Y giao nộp lại.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Nguyễn Lê Thanh A yêu cầu V và Y bồi thường số tiền 8.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 26/CT-VKSQ7 ngày 23/02/2018 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn Y về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, sau khi công bố bản Cáo Trạng, đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến bổ sung: do hành vi phạm tội bị cáo thực hiện ngày 06/11/2017, trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành và không thuộc trường hợp áp dụng có lợi cho các bị cáo nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 quyết định truy tố các bị cáo theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo V khai nhận do thấy chị A để thê giữ trong cốp xe nẩy sinh lòng tham nên rủ bị cáo Y cùng tham gia, hai bị cáo đã lấy được chiếc xe và lấy tiền chia nhau tiêu xài. Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Y từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 trả lại cho chị A số tiền 5.000.000 đồng, buộc mỗi bị cáo bồi thường cho chị A 1.500.000 đồng; trả lại chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Luvias màu đen vàng, biển số 59L1 – 843.64 cho chị Đào Minh P.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, sau khi công bố bản Cáo trạng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã trình bày ý kiến bổ sung, truy tố các bị cáo theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 306 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận: các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe gắn máy của chị Nguyễn Lê Thanh A; theo Kết luận định giá tài sản số 359/KL-HĐĐGTTHS ngày 19/12/2017 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Quận 7, tại thời điểm chiếm đoạt, chiếc xe gắn máy của chị A có giá trị 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Do đó, đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn V là người chủ mưu, rủ rê bị cáo Nguyễn Văn Y, là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe máy và đem tài sản đi tiêu thụ, còn Nguyễn Văn Y có nhiệm vụ điều khiển xe máy chở V, cảnh giới giúp sức cho V trộm cắp tài sản, các bị cáo là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án nên lần phạm tội này thuộc trường hợp Tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự nên cần có mức án nghiêm khắc, phù hợp mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Song xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã khắc phục một phần hậu quả, nộp lại số tiền các bị cáo bán chiếc xe. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Nguyễn Lê Thanh A yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe với số tiền 8.000.000 đồng, tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị A; quá trình điều tra các bị cáo đã nộp lại số tiền bán chiếc xe 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên buộc mỗi bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị A số tiền 1.500.000 đồng.

Xử lý vật chứng:

- 01 xe máy hiệu Yamaha Luvias màu đen vàng, biển số 59L1 – 843.64 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn V, qua xác minh, chiếc xe do chị Đào Minh P (là vợ của bị cáo V) đứng tên đăng ký chủ sở hữu, chị P ủy quyền cho bị cáo Nguyễn Văn V quản lý, sử dụng, không biết bị cáo V sử dụng làm phương tiện phạm tội nên trả lại cho chị P.

- 5.000.000 đồng là số tiền bán xe máy của chị Nguyễn Lê Thanh A các bị cáo nộp lại để khắc phục hậu quả nên giao trả số tiền này cho chị A.

Đối với người thanh niên chưa rõ lai lịch đã mua xe máy của V và Y, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn Y phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điều 20; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2017.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điều 20; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Y 01 (một) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2017.

3. Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 31, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

3.1. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn Y, mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Lê Thanh A số tiền 1.500.000đ (một triệu, năm trăm ngàn đồng).

3.2. Trả lại cho chị Đào Minh P chiếc xe gắn máy hiệu Luvias màu đen vàng, biển số 59L1 – 843.64, số khung EY-011367, số máy 1SK1-011384.

(theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 41 ngày 08/02/2018)

3.3. Trả lại cho chị Nguyễn Lê Thanh A số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). (theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Kho bạc nhà nước ngày 07/12/2017)

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), mỗi bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày chị Nguyễn Lê Thanh A có đơn yêu cầu các bị cáo phải thi hành án khoản tiền bồi thường; nếu các bị cáo chậm thi hành thì các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được

quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Các bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS (Tk Hoa).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thuần Phong